

NHỮNG SẮC THÁI GIỌNG ĐIỆU TRONG *DI CẢO THƠ* CHẾ LAN VIÊN

Nguyễn Anh Tuấn

Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2

Email: tuanvanhoangoquyen@gmail.com

Ngày nhận bài: 3/8/2017; ngày hoàn thành phản biện: 16/10/2017; ngày duyệt đăng: 8/01/2018

TÓM TẮT

Những sắc điệu đặc trưng trong *Di cảo thơ* Chế Lan Viên dung chứa nhiều giá trị và trữ lượng tư tưởng, nghệ thuật. Trên cơ sở nhận diện, phân tích, khẳng định giọng điệu trong *Di cảo thơ* cho ta hiểu sâu hơn nội dung tư tưởng, ý thức nghệ thuật của Chế Lan Viên những năm cuối đời, khẳng định sự đóng góp của nhà thơ trong tiến trình đổi mới thơ Việt Nam. Giọng điệu trong *Di cảo thơ* Chế Lan Viên vừa mang âm hưởng thời đại, vừa mang tính cá nhân, cá biệt. Ông đã định vị được giọng riêng của mình “*giọng trầm*”, cho thấy thái độ, tư tưởng, tình cảm, ý thức thẩm mỹ của nhà thơ, là sự thể hiện của lý trí tinh táo, nhìn thẳng vào hiện thực để thấy được bề sâu, bề xa của cuộc sống.

Từ khóa: Chế Lan Viên, *Di cảo thơ*, Giọng điệu thơ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chế Lan Viên là một trong số những nhà thơ Việt Nam tiêu biểu từ thập niên 40 của thế kỷ XX. Hành trình thơ ông trải dài gần một thế kỷ với những sắc thái giọng điệu đa dạng nhưng thống nhất. Ở giai đoạn cuối của hành trình, Chế Lan Viên đã để lại cho chúng ta 566 bài thơ *Di cảo* (đã xuất bản) với những sắc thái giọng điệu mang nặng cảm hứng thế sự - đời tư. Từ đó, chúng ta thêm yêu một thi nhân hồn hậu, trao tâm với cây đời cuộc sống.

2. NỘI DUNG

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp đã thiết lập một hệ thống khái niệm đầy đủ, cặn kẽ về giọng điệu. Ông cho rằng giọng điệu là một hiện tượng siêu ngôn ngữ, nó không nằm ở trong một thành tố, một khu vực cục bộ mà nó toát lên từ toàn bộ tác phẩm. “*Giọng điệu là một phương diện biểu hiện quan trọng của chủ thể sáng tạo*” [1, tr.46] và: “*Giọng điệu thể hiện thái độ, lập trường, cách nhìn của chủ thể phát ngôn về đối tượng được nói đến và đối tượng mà lời văn ấy hướng tới*” [1, tr.341]. Giọng điệu là hình thức

Những sắc thái giọng điệu trong Di cáo thơ Chế Lan Viên

mang tính quan niệm, bao giờ cũng là sản phẩm sáng tạo đích thực của nhà văn, giọng điệu chính là thần thái toát lên từ tác phẩm. Tìm hiểu giọng điệu chính là tìm hiểu ngôn ngữ chủ thể - nhân lõi tạo thành phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Di cáo thơ Chế Lan Viên mang giọng điệu thâm trầm, suy tưởng, day dứt của con người cá nhân thức dậy sau những năm chiến tranh, của “*cái Tôi*” thể sự với bao trăn trở về những vấn đề của cuộc sống đời thường. Đây là một sự hạ giọng cố ý kèm theo một chủ định tạo giọng điệu mới với cảm hứng thể sự - cảm hứng đời thường. Từ giọng cao mang tính sử thi, tính chính luận trong những năm kháng chiến, giọng thơ Chế Lan Viên hạ dần chuyển sang triết luận thâm trầm, kết lắng, chất hùng biện được thay bằng sự suy tưởng. Nhà thơ về với đời thường là con người trầm tư, nhìn đời với con mắt trải nghiệm và một thể ứng xử mới. Giọng trầm giờ đây mang nhiều cung bậc khác nhau. Có khi đều là trầm - trầm ấm, lắng đọng nhân tình, lại có lúc là trầm buồn, đau xót. Khi nhà thơ đi sâu vào cõi tâm linh thì đó lại là sự thâm trầm, hư tưởng, hoài nghi hoặc trầm tĩnh, an nhiên, siêu thoát. Nhà thơ đối diện với chính mình, đối thoại với bản thân. Nhìn chung, giọng điệu thơ Chế Lan Viên thường có sự đan lồng, xen kẽ với những sắc thái linh hoạt: trầm buồn man mác, băng khuâng, u hoài nhưng vẫn trầm ấm, yêu thương. Giọng thơ có lúc mang khí vị mĩa mai, cay đắng, có lúc cười mà đầy chua xót. Tuy nhiên, vượt lên trên tất cả phức tạp của thể sự, của nhân tình thể thái, nổi bật ở *Di cáo thơ* vẫn là một giọng trầm ngâm triết luận thanh thản với hai sắc thái cơ bản: *suy tư, chiêm nghiệm; chất vấn, đối thoại*.

2.1. Giọng điệu suy tư, chiêm nghiệm

Suy tư, chiêm nghiệm là trạng thái cảm xúc của con người, sự xem xét và đoán định mọi vấn đề của đời sống bằng kinh nghiệm, bằng sự từng trải, là bản tự thuật tâm trạng của chủ thể. Dễ nhận thấy, trong rất nhiều mối quan tâm, ở *Di cáo thơ*, Chế Lan Viên thường thể hiện những *suy tư, chiêm nghiệm về bản thể*. Qua những vần thơ Di cáo, một lần nữa, Chế Lan Viên lại có sự trở về với bản thể của chính mình, dằn vặt, vật lộn với cái hữu thể độc lập và duy nhất của bản thân bằng giọng điệu suy tư, chiêm nghiệm của một người từng trải. Qua bao thăng trầm của cuộc sống, Chế Lan Viên vẫn đau đáu với câu hỏi: “ta là ai” và trăn trở đi “tìm mình”.

“Người làm vườn vĩnh cửu” ấy không ngừng suy nghĩ về mình, tự nhận thức về sự hữu hạn của bản thân: “*Ta mãi mê chạm cái vẩy sau đuôi con cá/ Mà lắm khi quên quấy mình theo ngọn sóng triều/ Cuộc đời lớn mà trang thơ thì lại bé/ Con mèo nhà đời át tiếng hổ kêu*” (*Nghĩ về thơ II*) [4, tr.411]. Cũng có những lần Chế Lan Viên mổ xẻ chính tâm hồn thơ đã kiệt quệ, héo khô khi chính bản thân nó đang vô có ngày đem giết đi những mầm non sáng tạo đầy sức sống bởi sự mù quáng: “*Tôi giết bão táp ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ/ Và giết luôn mặt trời trên biển,/ Giết mưa và giết cả cỏ mọc trong mưa luôn thể/ Cho nên câu thơ tôi gày còm như thế/ Tôi viết bằng xương thối, không có thịt của mình./ Và thơ này rơi đến tay anh/ Anh bảo đây là tôi?! Không phải! / Nhưng cũng chính là tôi -*

người có lỗi!! Đã giết đi bao nhiêu cái/ Có khi không có tội như mình!" (Trừ đi) [5, tr.147]. Ông vật lộn với chính mình, với cuộc sống để thấu hiểu và thực hành: "Trộn hạt giống anh vào trăm giống cao sang hay hèn hạ của đời/ Muốn đổi Lời ư? Anh phải đổi Đời" (Đổi đời) [5, tr.171]. Gắn bó với cuộc sống, với "giếng đời" say sưa, nhưng đứng trong cuộc sống bụi trần, cũng có những lúc, ông cảm thấy trong mình có một nỗi sợ mơ hồ đang xuất hiện: "Tự lúc em ra đi, hai lần gió mùa đông bắc thổi qua phòng/ Lăn trước lạnh vừa, lăn sau lạnh gắt/ Ở đất nước đánh giặc này, ta chỉ sợ gió mùa không sợ giặc/ Chỉ sợ lòng mình, ai sợ gió mùa đông bắc" (Gió mùa đông bắc) [4, tr.117].

Sau rất nhiều nỗ lực, Chế Lan Viên vẫn luôn hoài nghi chính bản thân mình. Đó là một cuộc đấu tranh không bao giờ hết giữa "mình" và "ta": "Mình là ta đấy thôi ta vẫn gửi cho mình/ Sâu thăm mình ư?/ Lại là ta đấy/ Ta gửi tro, mình nhen thành lửa cháy/Gửi viên đá con, mình lại dựng nên thành" (Mình và ta) [5, tr.138]. "Mình" và "ta" tuy hai mà một để rồi tự thiêu hủy lẫn nhau trong ngọn lửa tâm hồn nhưng tất cả rồi sẽ được giải phóng ra ngoài cuộc đời đa màu sắc.

Sau những cuộc mổ xẻ, nhìn lại chính mình, Chế Lan Viên nhận thấy cái hữu hạn của con người. Cũng có lúc ông đã tự phân thân, muốn tường minh cái hữu thể độc lập, nhưng hình như cuối cùng ông cũng bất lực trước sự bí ẩn của bản thể luận: "Anh là tháp Bay-on bốn mặt/ Giấu đi ba còn lại đấy là anh/ Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc/ Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình" (Tháp Bay-on bốn mặt) [5, tr.81].

Đối mặt với bản thân, Chế Lan Viên ghen ngào nhận ra mình "như một vị tướng già chiến bại", thất thủ không còn gì nữa để rồi mặc cho "gió mùa đến quét anh đi" (Mùa thu quân) [4, tr.144]. Từ nỗi đau của người khác, ông nhìn lại chính mình, tự bộc bạch, thậm chí tự mắng bản thân vô dụng. Ông xấu hổ trước họ - những con người ông từng viết, từng ca ngợi và ông tự trách mình, đau đớn, tủi hổ khi thấy mình vẫn có thể cười giữa buồn tủi, chua cay của người khác: "Mà tôi xấu hổ/ Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay/ Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ/ Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười" (Ai ? Tôi!) [5, tr.448]. Sau tất cả những tâm sự, Chế Lan Viên chua xót nhận ra mình đã sai, đã tự "đánh bẫy mình": "Mình đánh bẫy mình trong nồng nàn hương xạ/ Cái mùi hương mê lộ phía loa thành" (Hương đêm) [4, tr.11].

Chế Lan Viên ý thức đã đến lúc phải thay đổi con người mình, thay đổi trong cả hành động và suy nghĩ. Ông cũng nhận thức sâu sắc về bản chất của cuộc sống, của nghệ thuật. Theo ông, cần thay đổi quan niệm thẩm mỹ, đừng nghĩ rằng cái đẹp chỉ xuất hiện trong những thứ đẹp đẽ, hào nhoáng, mà trái lại cái đẹp ẩn tàng và xuất hiện ngay trong cuộc sống, thậm chí ở nơi tầm thường nhất: "Hôi hám thế mới thực tình là Chúa/ Muốn đổi Lời ư? Anh phải đổi đời" (Đổi đời) [5, tr.171].

Bên cạnh những suy tư về bản thể, Di cao thơ là những trần trở, day dứt của Chế Lan Viên trước những vấn đề của thế sự, đời thường, những chiêm nghiệm về nhân sinh. Trước những vấn đề của thế sự, của hiện thực đời thường, ông gửi những bản thảo,

trần trở khi nhìn lại quá khứ, sau những hào nhoáng, vinh quang của quá khứ là những nỗi niềm của bao người giữa đời thường. Những người anh hùng của hôm qua, bước ra khỏi chiến thắng, giờ đây là “một người thường” với cuộc sống chật vật và dường như bị lãng quên: “Ánh sáng gì trong mắt/ Hay huân chương trên tường/ Có khi bản thân anh cũng muốn quên giữa cuộc đời chật vật/ Còn ta à! Thì bận vì dạ hội, liên hoan,/ Tình ca, hội thảo... / Bao nhiêu điều láo nháo chúng ta quên/ Quên rằng giờ chiến thắng mười năm/ Anh ta vẫn khổ/ Con vào trường không có chỗ/ Đến bệnh viện không có tiền/ Ra đường không ai nhớ/ Về làng người ta quên” (Một người thường) [4, tr.173]. Sự lãng quên, sự vô tình của xã hội đã tạo thành những “giọt buồn” nhỏ vào quá khứ và đã làm quá khứ bị tổn thương: “Máu họ dâng Tổ quốc thắm tươi rạng rỡ mắt nhìn,/ Anh đến sau đưng nhỏ vào đây giọt buồn cho nó bầm đen” (Giọt buồn) [4, tr.18].

Với giọng suy tư, chiêm nghiệm, Chế Lan Viên đã bộc bạch những nỗi trần trở, thậm chí đau đớn, giằng vặt, tự trách bởi từng có lúc mình quá cao giọng ca ngợi và bản thân ông cũng đã có lúc quên quá khứ, tô hồng hiện thực. Qua đó, hiện lên chân dung một Chế Lan Viên đầy dưng cảm, dám sống thật với lòng mình.

2.2. Giọng điệu chất vấn, đối thoại

Theo Từ điển tiếng Việt, “Chất vấn” là động từ mang nghĩa “hỏi và yêu cầu phải giải thích rõ ràng”; “Đối thoại” là động từ mang nghĩa “nói chuyện qua lại giữa hai hay nhiều người khác nhau”. Giọng điệu chất vấn, đối thoại xuất hiện nhiều, thể hiện một bước chuyển mình quan trọng trên con đường thơ Chế Lan Viên. Trong *Di cảo thơ* của Chế Lan Viên, giọng điệu chất vấn, đối thoại xuất hiện nhiều, thể hiện một bước chuyển mình quan trọng trên con đường thơ của ông. Nhu cầu giao tiếp, tinh thần dân chủ của thời đại tạo thành xu thế hướng ngoại chung trong thơ Việt Nam thời hậu chiến. Ở Chế Lan Viên, nhu cầu nói với mọi người, trao đổi, thảo luận về nghề, về thơ, về đời... như trở nên bức thiết hơn khi cá nhân ông cảm nhận sâu sắc về một “thời gian nước xiết”.

Vẫn tiếp tục mạch chảy và một vấn đề ông luôn trần trở, Chế Lan Viên có những *chất vấn, đối thoại về nghề, về thơ*. Có thể nhận thấy một sự nhất quán trong quan niệm thơ của Chế Lan Viên. Nếu thuở *Điêu tàn*, Chế Lan Viên đem đến cho thi đàn “sự phi thường” ở cái cao cả thiêng liêng và ở cả “sự phi thường” khủng khiếp; những năm kháng chiến, thơ ông lại làm nên “sự phi thường”, tham gia xung trận, tham gia đánh giặc, thực hiện trọng trách cao cả của thời đại, thì ở *Di cảo thơ*, Chế Lan Viên đã đạt đến “sự phi thường” ở những điều bình dị, đời thường nhất. Vẫn với chủ trương “*Thơ cần có ích – Hãy bắt đầu từ nơi ấy mà đi*” (*Sổ tay thơ*), nhưng bằng tư duy biện chứng, ông đã có những ứng xử nghệ thuật phù hợp với sự đòi hỏi của thực tiễn và trước cái vạn biến của thời cuộc. Ông khẳng định, thơ bây giờ “cần nhân thế”: “*Thơ bây giờ vẫn thế mà lại không phải thế/ Nó không cần thắm mỹ/ Mà cần thắm lựu cái chất máu, chất người ra mọi kẽ/ Thơ cần nhân thế*” (*Thơ hiện đại*) [4, tr.436]. Thời giờ phải sống “*giữa*

cỏ", "giữa đời thường" chứ không phải là sống trong những ngọn "tháp cao tầng": "Ta sinh ra giữa đời, không có bí quyết cao tầng/ Đâu dám dựng thơ như tháp nhiều tầng/ Tôi lại thích bài thơ nằm giữa cỏ" (Tháp cao tầng) [4, tr.74]. Thơ với ông bây giờ là "Thuốc" để chữa lành nỗi đau người: "Cũng chỉ vì mình là người/ Thơ nói cho ta điều đó/ Có nỗi đau mới có ích cho người" (Thuốc) [4, tr.414]. Thơ bây giờ không phải để nhà thơ nghe trong những gian phòng khép kín nữa mà phải mở rộng đón độc giả, đón những vang động từ cuộc sống bởi có như thế thơ mới thực sự có ích và thực sự cần thiết để tồn tại. Những đòi hỏi của thực tiễn đã mở ra một hướng đi khác cho thơ: "Những câu thơ chạy đôi khi nhớ đời liên thậm thụt/ Phá cái giới nghìn đời ràng buộc, bỗng phi thơ,/ Bỗng ăn mặn vào miếng đời phàm tục./ Thơ thế kỉ 20 là thế mà. Dừng quá lọc./ Phải vẫn xuôi" (Thơ thế kỉ 20) [5, tr.401]. Nội dung thơ phải thay đổi, hình thức thơ cũng phải thay đổi. Thơ đòi hỏi sự phá cách, chấp nhận cả "phi thơ" để truyền tải hiện thực. Thơ bây giờ không thể quá lọc, khi cần thiết có thể "vượt địa giới" để nói tiếng nói của đời. Có thể thấy rõ, tinh thần dân chủ, tinh thần cởi trói thơ khỏi những giáo điều, qui phạm, qui chuẩn luôn thường trực trong Chế Lan Viên. Và nhà thơ đã từng bước chạm tới được cuộc sống để giải phóng chính mình: "Gọi là độc thoại chả can gì. Ta gọi bằng đôi thoại / Đôi với một trận đánh, một màu hoa, đôi cùng nhân loại / Trước trang giấy - dòng sông nước xiết kia, độc một mình anh đứng lại bên bờ / Một ngọn đèn khuya với một tiếng gà / Chịu trách nhiệm về anh, độc có mình anh đấy! / Bờ bên kia, bờ bên kia... Trang giấy... / Có thể anh qua hay chẳng thể nào qua! / Chả lẽ lại phải làm lại cuộc đời từ lúc ấy / Để có thể đôi thoại cùng trận đánh, màu hoa, đôi cùng nhân loại / Mà không phải độc chỉ có mình anh, đèn khuya và một tiếng gà" (Thơ bình phương, đời lập phương) [5, tr.419].

Chế Lan Viên đối thoại giữa thơ và đời, trăng và nhà thơ, ông cho rằng cần thêm muối đời cho cuộc sống mặn mà, thêm muối đời cho thơ thêm hương sắc cuộc sống:

"Nhà thơ đem đến thức ăn và nỗi đói

Vạn năm nay ta đã no thừa míra chán chê trăng,

Nhà thơ lại làm ta đói một lần nữa

Trăng gọi khát thêm cho ta nguyên thừa míra

.....

Anh cũng chưa phải đã sống một đời

Sáng hôm nay, sau trang thơ, anh mới đẻ.

Nhiệm vụ thơ, à ra thế thế

Thêm vị muối cho đời thêm hạt lệ

Cho thơ. Thêm tiếng cười cho kẻ sống tro tro" (Đói) [4, tr.114].

Nhưng sau những triết lí, chất vấn, đối thoại về cuộc sống, ông chợt nhận ra thơ mình vẫn còn lẫn khuất ở một góc tối nào đó. Ông thầm trách chính mình bởi đã có lúc vô tình quên đi quá khứ: “*Ca tụng người không tiếc mạng mình trong mọi cuộc xung phong./ Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm/ Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ/ Quán treo huân chương đây, mọi cơ,/ Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!/ Ai chịu trách nhiệm vậy?/... / Mà tôi xấu hổ/ Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay/ Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ*” (Ai! Tôi?) [5, tr.448].

Ông lại ngậm ngùi nhìn lại mình, nhìn lại thơ mình để rồi cay đắng nhận ra: “*Những câu thơ ta gọi lại/ Một phần khôn, chín phần trót đại/ Nhưng biết đâu chính ở những câu thơ đại khờ/ Ta mới thực là ta?*” (Những câu thơ) [4, tr.148]. Sự tự nhận thức ấy thể hiện một tâm hồn thơ trong sáng thanh cao, một tư cách nghệ sĩ đầy trách nhiệm trước cuộc đời, một tư duy thơ đầy triết lí và khiến cho thơ Chế Lan Viên mang đậm chất nhân văn.

Ông chất vấn rất nhẹ nhàng mà đầy oán trách những kẻ lãnh đạm với cuộc đời nhân sinh: “*Những nhà thơ không nghe biết đâu cây gọi họ/ Gặp mùa đào mà không có nỗi buồn Thôi Hộ/ Đi qua mùa xuân không ngoái cổ lấy một lân/ Họ sống ba trăm sáu chục ngày, không biết một ngày xuân*” (Lãnh đạm) [4, tr.118].

Cùng với những chất vấn, đối thoại về nghề, về thơ, Chế Lan Viên *chất vấn, đối thoại với người*. Trong Di cáo thơ, bằng giọng điệu chất vấn, đối thoại, Chế Lan Viên đã thẳng thắn khi đề cập tới những bất cập trong cuộc sống con người thời đổi mới. Bằng giọng chất vấn, đối thoại, Chế Lan Viên đã làm hiện lên một bức tranh xã hội đầy ma mị và mê lực với bao cám dỗ, ở đó có người tốt, có kẻ xấu, có người dũng cảm vượt lên chính mình nhưng cũng có người vùi sâu dưới đáy bùn tội lỗi. Trong bài *Mô-đéc*, Chế Lan Viên đã rung lên hồi chuông cảnh tỉnh trước một hiện thực xô bồ khi đồ vật lên ngôi, “là chúa tể”. Ông thấy rõ mặt trái của “thời thượng” khi mọi thang giá trị đang bị đảo lộn: “*Thế kỉ 20. Nôn mửa thành cổ điển/ Và phá phách vào Hàn lâm viện/ Họ chia ra buồn tiền chiến và say hậu chiến/ Biến chén rượu hạt mít và cái ao nhà thành ra biển/ Dụng cặp đùi lên thành Khải hoàn môn/ Giết hết hoa sen để vạ tuế buồn/ Họ lao trượt ái tình như trẻ con chơi cầu trượt.../ Đồ vật là chúa tể mà./ Nhân loại sắp hoàng hôn.*” (Mô-đéc) [4, tr.140]. Chế Lan Viên cũng nhận thấy mặt trái của văn minh, tiến hoá cũng là một nguy cơ khiến con người ảo tưởng, rời xa hiện thực: “*Nhân loại mơ những siêu cá, siêu chim, siêu người, siêu vật/ Không chịu là là bay mặt đất/ Thì là mà đi bằng hai chân/ Thèm thấy mình có cánh/ Thèm gặp nhiều trung tâm/ Thèm gặp tầng di chỉ hoa văn/ Chó chỉ gà, vịt, ngan, ngỗng sao đủ/ Rồi thì xe cúp xe kiếc, ti vi, bàn tủ...*” (Cần gì) [4, tr.143]. Chế Lan Viên mong muốn con người hãy tìm về với những giá trị tinh thần để con người đẹp hơn. Ông có những mong ước thật đẹp: “*Câu cho đừng khôn vật như thế kỉ này;/ Để nuôi sống xác thân, đem làm thịch linh hồn*” (Đoạn cuối thế kỉ) [3, tr.139]. Đó là mong ước mang tâm vĩ mô làm cho cuộc sống ngày càng tốt hơn, con người biết sống hạnh phúc...

Trong bài *Thời thượng*, Chế Lan Viên lo lắng: “*Chả ai yêu vầng trăng và hương lúa ngoài đồng/ Yêu bà Tiên hay đám mây trên lầu Hoàng Hạc/ Giờ là thế giới của xe cúp, ti-vi, phim màu ngũ sắc/ Của quyền lực, tuổi tên, đốp chất.../ Vị trí nhà thơ như rác đổ thùng!/ Chả ai nhớ bà mẹ cấm chông bạc tóc/ Nhớ một cô gái chèo đò vượt lửa qua sông*” (*Thời thượng*) [5, tr.401]. Con người giờ đây mãi mê theo đuổi những hào nhoáng bên ngoài, chạy theo quyền lực mà đang dần lãng quên những giá trị truyền thống, quên ngày hôm qua, quên đi quá khứ hào hùng. Bây giờ, con người chỉ quan tâm đến đời sống vật chất xa xỉ, đến quyền lực. Thậm chí con người sẵn sàng quỳ lạy dưới chân quyền lực và đồng tiền: “*Trong lễ đón người tự thiên hà/ Anh bị gạt ra/ Vì không cấp bạc/ Lương anh quá thấp / Lại không bằng cấp/ Ốm chưa bao giờ nằm lâu A/ Họ đi xe Mence-des, còn anh com-măng-ca*” (*Đón người tự thiên hà*) [3, tr.89].

Chế Lan Viên đặt ra những vấn đề trong xã hội hết sức nhức nhối, như một thứ ung nhọt cần giải quyết. Trong bài *Hương sen*, ông viết: “*Anh có cho tôi làm hoa sen không, tôi trong lí lịch có bùn?/ Thân phận người mà, ai chả có bùn đen?/ Giết chết một mùi hương, để thôi, cứ quậy bùn lên để giết*” (*Hương sen*) [3, tr.79]. Chế Lan Viên đã phê phán thói quen định giá con người bằng giấy tờ, bằng lí lịch chứ không quan tâm tới cách sống, năng lực, phẩm chất bên trong con người. Con người sống theo người khác, lúc nào cũng mang trong mình một chiếc mặt nạ để phòng thân và để đánh lừa người khác: “*Anh ta có nhiều mặt nạ/ Cái nào cũng là mặt thật của mình/ Vì cái thật hơn nó phải ẩn hình/ Sau mặt thật vốn là giả ấy/ Chiếc mặt nạ anh đánh lừa người khác/ Lẫn cùng bao mặt nạ bao người*” (*Mặt nạ*) [4, tr.83]. Trong xã hội, những thói hư tật xấu vẫn lẫn khuất đầy con người vào vòng tội lỗi: “*Đất nước những ngày ấy, nướng tinh hoa mình trong canh bạc/ Chưa ai tìm lại mộ vua Hùng mà đã đánh mất kiếm vua Lê!/ Ngôi sao vàng trên cờ đỏ còn trong tôi, trong xà lim chưa mọc/ Cửa chắn phía bên này mà ta đặt tâm hồn cửa lẻ phía bên kia/ Ta mất cả ta mỗi lần mở bát/ Mà vẫn say tiếng xóc siêu hình trong đĩa của trời khuya*” (*Xóc đĩa*) [3, tr.94].

Chế Lan Viên nói về tệ xóc đĩa, đánh bài, đánh bạc nhưng không như các trò thông thường mà muốn nói đến những canh bạc cuộc đời, các trò đỏ đen của cuộc đời. Mỗi bài thơ luôn mang tính đa nghĩa. Lấy hình ảnh, sự việc thật để đưa con người vào vòng đỏ đen số mệnh, con người luôn u mê đem cả thân xác lẫn linh hồn cho quỷ dữ. Họ say mê tới quên hết tất cả mọi thứ, bỏ đi lịch sử, bỏ đi truyền thống, bỏ đi đất nước. Với những kẻ xóc đĩa thì chỉ có “*mở bát*” và “*chẵn lẻ*”. Bao hồn tạp, uế thải tràn vào đời sống con người, khiến nhà thơ buồn phiền và khổ đau. Với giọng chất vấn, đối thoại, Chế Lan Viên đã thẳng thắn bộc bạch nỗi lòng đau đáu, xót xa trước những vấn đề nhức nhối của đời sống. Qua đó, hiện lên chân dung một Chế Lan Viên dám trải lòng mình với hiện thực khắc nghiệt.

3. KẾT LUẬN

Chế Lan Viên là một trong những nhà thơ đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. Nghiên cứu những sắc thái giọng điệu trong *Di cáo thơ* cho ta thấy thơ Chế Lan Viên ở hành trình cuối có sự vận động, thay đổi trong tư duy thơ, quan niệm của nhà thơ về con người, về cuộc đời. Ấn sâu trong *Di cáo thơ* là hình ảnh Chế Lan Viên - một người thơ luôn trần trụi, tự mổ xẻ, phân tích chính mình, luôn khao khát hiểu người, hiểu đời. *Di cáo thơ* cũng thể hiện phần nào phong cách thơ, sự gắn mình với hiện thực, với cây đời của Chế Lan Viên. Đồng thời cho ta thấy phong cách thơ Chế Lan Viên đa thanh nhưng thống nhất, ở mỗi giai đoạn phát triển có những biểu hiện đa dạng, phong phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đăng Điệp (2004), *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Đoàn Trọng Huy (2006), *Nghệ thuật thơ Chế Lan Viên*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
- [3]. Chế Lan Viên (1993), *Di cáo thơ*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [4]. Chế Lan Viên (1994), *Di cáo thơ*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5]. Chế Lan Viên (1996), *Di cáo thơ*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.

THE CHARACTERISTIC MELODIES IN THE *POSTHUMOUS POEMS* BY CHE LAN VIEN

Nguyen Anh Tuan

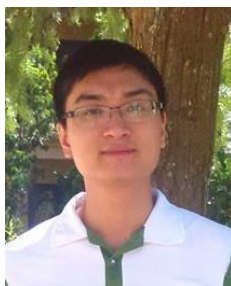
Hanoi Pedagogical University 2

Email: tuanvanhoangoquyen@gmail.com

ABSTRACT

The characteristic melodies in the *Posthumous poems* by Che Lan Vien include many values and reserves of thought and art. Che Lan Vien's thoughtfulness and artistic consciousness in his later years confirmed the contribution of Che Lan Vien in the renewal process of Vietnamese poetry. The melodies in Che Lan Vien's *Posthumous poems* brought both harmony of times and personal character. He located his own "deep voice", which shows the poet's attitudes, thoughts, emotions, aesthetic sense, the expression of reason awake, looking straight into reality to see the depths, the surface of life.

Keywords: Che Lan Vien, melodies of the poetry, posthumous poems.



Nguyễn Anh Tuấn sinh ngày 04/10/1989 tại Thành phố Vinh Yên. Năm 2011, ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Năm 2017, ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Từ năm 2013 đến nay, ông công tác về lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, sáng tác Văn học tại thành phố Vinh Yên.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam, Văn học Trung Quốc, Văn hóa Việt Nam.

